

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**
Số: 3345/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Bình Định, ngày 09 tháng 09 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án Nâng công suất Khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường
tại sông Kôn, xã Tây Xuân, xã Bình Hòa và thị trấn Phú Phong,
huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định, diện tích 6,53 ha
của Công ty Cổ phần đầu tư Phú Hưng Hà Nội**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 2307/STNMT-CCBVMT ngày 13/7/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nâng công suất Khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại sông Kôn, xã Tây Xuân, xã Bình Hòa và thị trấn Phú Phong, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định của Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Hưng Hà Nội;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nâng công suất Khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại sông Kôn, xã Tây Xuân, xã Bình Hòa và thị trấn Phú Phong, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 08/CV-PHHN ngày 05/9/2023 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Hưng Hà Nội;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1060/TTr-STNMT ngày 05/9/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Nâng công suất Khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường diện tích 6,53 ha (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Cổ phần đầu tư Phú Hưng Hà Nội

(sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại sông Kôn, xã Tây Xuân, xã Bình Hòa và thị trấn Phú Phong, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./. 

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ dự án;
- Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh;
- UBND huyện Tây Sơn;
- UBND thị trấn Phú Phong;
- UBND các xã: Tây Xuân, Bình Hòa;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K4, K10. 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH




Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG DỰ ÁN NÂNG
CÔNG SUẤT KHAI THÁC CÁT LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG
THƯỜNG TẠI SÔNG KÔN, XÃ TÂY XUÂN, XÃ BÌNH HÒA VÀ THỊ
TRẦN PHÚ PHONG, HUYỆN TÂY SƠN, DIỆN TÍCH 6,53 HA CỦA
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÚ HUNG HÀ NỘI

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Nâng công suất Khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại sông Kôn, xã Tây Xuân, xã Bình Hòa và thị trấn Phú Phong, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

- Địa điểm thực hiện: Tại sông Kôn, xã Tây Xuân, xã Bình Hòa và thị trấn Phú Phong, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Hưng Hà Nội.

- Địa chỉ liên hệ: Lô 15-16, Khu đô thị mới An Phú Thịnh (khu B3a), phường Đồng Đa, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Điện thoại: 0966.781.898 (Ông Nguyễn Văn Toàn, Giám đốc).

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Diện tích dự án: 6,53 ha.

- Mục đích khai thác: Phục vụ công trình đường ven biển Cát Tiến - Diêm Vân.

- Thời gian làm việc trong ngày: 08 giờ (từ 7h00 đến 11h00 và từ 13h00 đến 17h00).

- Trữ lượng, công suất được phép khai thác: Trữ lượng được phép khai thác 130.600 m³ cát địa chất làm vật liệu xây dựng thông thường (theo xác nhận của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 2626/STNMT-TNKS ngày 07/8/2023); theo đó, trữ lượng huy động vào khai thác sau khi để lại bờ mỏ để đảm bảo an toàn là 125.723 m³ cát địa chất (tương ứng 140.055m³ cát nguyên khai với hệ số nở rời là 1,114). Công suất, thời gian khai thác như sau:

+ Năm 2023 (dự kiến thời gian khai thác 03 tháng): 38.374 m³ cát địa chất.

+ Năm 2024 (dự kiến thời gian khai thác 07 tháng): 87.349 m³ cát địa chất.

1.3. Phương pháp khai thác:

Khu vực mỏ phân thành 02 lô khai thác để thực hiện khai thác trong 02 năm. Mỏ vỉa khai thác từ phía Tây Nam khu mỏ (tại điểm góc số B) thuộc lô 1, khai thác theo lớp bằng, tuyến khai thác được phát triển theo tuyến song song

với hướng dòng chảy của sông, khai thác theo dải, từ lòng sông vào bờ, từ thượng lưu về hạ lưu với chiều sâu khai thác trung bình 2,0 m, cao trình kết thúc khai thác không thấp hơn +14 m. Sử dụng máy đào (dung tích gầu 1,25 m³) để khai thác, tập kết cát tại bãi lưu chứa tạm trước khi đưa lên ô tô vận chuyển tải trọng 10 tấn đến nơi thi công công trình đường ven biển Cát Tiến - Diêm Vân Cát Tiến – Diêm Vân.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư:

- Khu vực phụ trợ (nằm ngoài ranh giới mỏ): bố trí lán trại tạm, nhà vệ sinh di động, camera, khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại.

- Bãi lưu chứa cát tạm (nằm ngoài ranh giới mỏ), diện tích khoảng 7.500 m² để thực hiện lưu chứa cát rút nước, đảm bảo cát khô trước khi vận chuyển tiêu thụ. Thời gian lưu chứa tối đa 2 ngày.

- Tuyến đường vận tải ngoài mỏ di chuyển theo hướng từ dự án về Bảo tàng Quang Trung, cụ thể như sau:

- + Cải tạo, nâng cấp tuyến đường đất hiện trạng nối từ tuyến đường bê tông hiện trạng đến tuyến kè phía Bắc có kích thước: dài 450 m x rộng 6 m. Sau khi kết thúc khai thác, thực hiện cải tạo, nâng cấp và hoàn trả cho địa phương.

- + Tuyến đường nối từ tuyến kè phía Bắc đến ranh giới mỏ: Đầm nén trên bãi bồi hiện trạng có kích thước: dài 350 m x rộng 6 m.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Không có.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường:

- Tuyến đường nội bộ và bãi lưu chứa cát tạm có khả năng gây cản trở dòng chảy trong mùa mưa.

- Hoạt động khai thác cát tại dự án gây nguy cơ sạt lở kè, ảnh hưởng đến diện tích hoa màu của bà con; nguy cơ thiếu hụt nước cấp cho Trạm bơm nông nghiệp Phú Gia ở hạ lưu dự án.

- Hoạt động vận chuyển cát đi tiêu thụ có nguy cơ gây rơi vãi cát, bụi và hư hỏng đến tuyến đường.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:

3.1. Nước thải, khí thải:

- Nước thải: Nước thải sinh hoạt khoảng 0,448 m³/ngày, có hàm lượng ô nhiễm hữu cơ và vi sinh cao.

- Khí thải, bụi: phát sinh từ quá trình khai thác, lưu chứa tạm và vận chuyển cát.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn sinh hoạt (bao bì nhựa, vỏ hộp, thức ăn thừa,...) phát sinh khoảng 4,2 kg/ngày, có tỷ lệ chất hữu cơ cao, dễ phân hủy; gây mùi hôi và ruồi, nhặng.

- Chất thải nguy hại: bóng đèn huỳnh quang thải (Mã chất thải: 16 01 06) khoảng 01 kg/năm.

- Chất thải công nghiệp phải kiểm soát: Giẻ lau nhiễm dầu thải (Mã chất thải: 18 02 01) khoảng 10 kg/năm.

3.3. Tiếng ồn, độ rung: tiếng ồn phát sinh trong quá trình khai thác, vận chuyển cát đến nơi tiêu thụ.

3.4. Các tác động khác: không.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư:

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải:

Đối với nước thải sinh hoạt: Bố trí nhà vệ sinh di động tại khu vực phụ trợ để thu gom, xử lý; khi bể đầy, thuê đơn vị chức năng xử lý theo quy định.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải:

- Đối với các phương tiện vận chuyển cát: vận chuyển cát khô, đúng tải trọng; phủ bạt kín trong quá trình vận chuyển không để rơi vãi ra đường.

- Trên tuyến đường vận chuyển cát (đoạn đường đất hiện trạng): thực hiện phun nước với tần suất 02 lần/ngày, tăng cường vào mùa nắng và khi có yêu cầu của địa phương.

- Khu vực bãi tập kết cát: không chế độ cao lưu chứa dưới 03m, thực hiện phun nước tạo ẩm vào mùa nắng, che chắn đảm bảo để giảm thiểu bụi, cát bay.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí 01 thùng lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt đặt tại khu vực lán trại để thu gom và xử lý theo quy định.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

Trang bị các thùng lưu chứa chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát có dán nhãn và thực hiện lưu chứa tại khu vực lán trại, hợp đồng xử lý theo quy định.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:

Định kỳ bảo dưỡng máy móc thiết bị phục vụ khai thác và trang bị bảo hộ lao động cho công nhân.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

4.4.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường:

a) Thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường hàng năm với các nội dung sau:

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Kết quả đạt được	Thời gian thực hiện
I Khu vực mỏ					
1.	Cấm biển báo nguy hiểm tại khu vực mỏ	cái	04	Đảm bảo an toàn trong quá trình khai thác	Trước khi tiến hành khai thác.
2.	San gạt mặt bằng mỏ	m ³	6.530	Đảm bảo địa hình kết thúc sau khai thác thoải trong bờ ra lòng sông, không tạo hố sâu cục bộ so với mặt bằng xung quanh	Sau khi kết thúc khai thác
3.	Đo vẽ địa hình khu vực mỏ	ha	6,53	Giám sát chiều sâu khai thác; đánh giá sạt lở bờ sông	Sau khi kết thúc khai thác
II Khu vực ngoài mỏ					
1.	Vệ sinh tuyến đường vận chuyển (đoạn có rơi vãi cát qua khu dân cư)	m ³	150	Giảm thiểu bụi, cát bay	Thường xuyên
2.	Tháo dỡ lán trại tạm, nhà vệ sinh di động	m ²	15	Trả lại hiện trạng ban đầu	Sau khi kết thúc khai thác
3.	Tháo dỡ đường giao thông nội bộ	m ³	4.680	Đảm bảo khơi thông dòng chảy của sông	Sau khi kết thúc khai thác
4	Đắp mương dẫn nước phía Nam khu mỏ	m ³	880	Đảm bảo bảo dẫn nước về trạm bơm Phú Gia	Trước khi tiến hành khai thác

b) Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng dự toán chi phí cải tạo, phục hồi môi trường **398.525.000 đồng** (Ba trăm chín mươi tám triệu, năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

- Số lần ký quỹ: 02 lần; thực hiện ký quỹ như sau:

+ Lần 1, số tiền: 99.631.000 đồng; thời điểm ký quỹ: trong thời hạn không quá 30 ngày kể từ ngày được phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án.

+ Lần 2, số tiền: 298.894.000 đồng; thời điểm ký quỹ: thực hiện trong khoảng thời gian không quá 07 ngày, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền công bố chỉ số giá tiêu dùng của năm trước năm ký quỹ.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Định, 387 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn.

Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2023.

4.4.2. Phương án bồi hoàn đa dạng sinh học: không thực hiện.

4.4.3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Sau khi kết thúc khai thác, thực hiện tháo dỡ đường nội bộ và các tuyến cống thoát nước bắt qua đường nội bộ đảm bảo thông thoáng dòng chảy.

- Thực hiện khai thác đúng quy trình, độ sâu cho phép; tạo góc nghiêng bờ mỏ tại những vị trí có cao độ kết thúc chênh lệch lớn so với mặt bằng bên ngoài nhằm giảm thiểu sạt lở.

- Trước khi khai thác, phải thực hiện đắp mương dẫn nước (dài 880 m x rộng 1,0 m x cao 1,0 m) về trạm bơm Phú Gia ở hạ lưu dự án và duy trì đến khi kết thúc dự án. Trong quá trình khai thác, nếu có xảy ra hiện tượng sạt lở ảnh hưởng kè, ảnh hưởng diện tích hoa màu bà con, gây hiện tượng thiếu nước đưa về trạm bơm nông nghiệp Phú Gia, phải phối hợp với chính quyền địa phương để có biện pháp khắc phục sự cố và đền bù thiệt hại (nếu có).

4.4.4. Các công trình, biện pháp khác: không.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư:

5.1. Giám sát việc thu gom chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại: lượng phát sinh, loại phát sinh, tần suất thu gom và chuyển giao cho đơn vị xử lý.

5.2. Giám sát dòng chảy:

- Thực hiện giám sát việc khai thác đảm bảo lưu thông dòng chảy.

- Vị trí giám sát: giám sát tại khu vực dự án.

5.3. Các giám sát khác:

- Giám sát sạt lở hai bên bờ, an toàn giao thông trong quá trình khai thác, vận chuyển cát.

- Tần suất quan trắc: thường xuyên, liên tục trong suốt thời gian khai thác.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác: không.